TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HOÀ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 105/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 5 - 2024
"*V/v Ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lý Văn Hùng.
2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 150/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Kim T , sinh năm: 1982.
Địa chỉ: Ấp N, xã Đức Hòa T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức M, sinh năm: 1982.
Địa chỉ: Ấp N, xã Đức Hòa T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
(Bà T xin vắng mặt; Ông M vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 02 năm 2024 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Đỗ Kim T trình bày: Bà Đỗ Kim T và ông Nguyễn Đức M chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Hòa T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 27 tháng 8 năm 2004. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn ông M.

Về con chung: Bà T khai, bà T và ông M chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Đỗ Tường V, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2006; Nguyễn Đỗ Phương M, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2009 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 14 tháng 3 năm

2016. Khi ly hôn, con chung tên V đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T đồng ý giao 02 con chung tên M và Tài cho ông M nuôi và bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Đức M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông M không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của ông M về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn ông Nguyễn Đức M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã Đức Hòa T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Đỗ Kim T xin vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Đức M vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông M.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Kim T và ông Nguyễn Đức M chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Hòa T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 27 tháng 8 năm 2004 nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông M được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp. Nay bà T xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên tha thiết xin được ly hôn với ông M. Ngược lại, ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham gia phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa bà T và ông M đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông M là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T khai, bà T và ông M chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Đỗ Tường V, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2006; Nguyễn Đỗ Phương M, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2009 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 14 tháng 3

năm 2016. Khi ly hôn, con chung tên V đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T đồng ý giao 02 con chung tên M và T cho ông M nuôi và bà T không cấp dưỡng nuôi con. Ngược lại, ông M đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, ông M đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà T khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, ông M đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Kim T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Kim T xin ly hôn với ông Nguyễn Đức M .

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Đức M .

Về con chung:

- Nguyễn Đỗ Tường V , sinh ngày 25 tháng 01 năm 2006 đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

- Ông Nguyễn Đức M được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Đỗ Phương M , sinh ngày 22 tháng 01 năm 2009 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2016 hiện ông M đang nuôi. Bà Đỗ Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con vì ông M không yêu cầu.

Bà T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom các cháu M, T mà không ai được cản trở. Trường hợp bà T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T theo quy định

của pháp luật. Ông M cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của bà T.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì ông M, bà T, người thân thích của các cháu M, T, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà T khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Bà T khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về án phí: Buộc bà Đỗ Kim T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai số 6260 ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, bà T và ông M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã Đức Hòa T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp